

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày 26 – 4 – 2022
“Ly hôn; tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Đào Kim Kinh

- Bà Nguyễn Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Hạ Quyên, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thương Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 43/2022/TLST-HNGĐ, ngày 17 tháng 02 năm 2022 về việc: “Ly hôn; tranh chấp về nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2022/QĐXXS-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Vân S, sinh năm 1976; nơi ĐKKHKT: Tổ 5, phường QP, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở hiện nay: Lô 13 đường PĐ, phường CL, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Ông Trần Xuân L, sinh năm 1974; nơi ĐKKHKT: Tổ 5, phường QP, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi; chỗ ở hiện nay: Số 346 đường Nguyễn Trãi, phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Vân S vắng và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Trần Xuân L vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện ngày 10/02/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị Vân S trình bày: Bà S và ông Trần Xuân L sau thời gian tìm hiểu thì tự nguyện đi đến hôn nhân, tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn với

nhau tại Ủy ban nhân dân phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 05/4/2001. Trong thời gian chung sống thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông Trần Xuân L thường xuyên đối xử thiếu tôn trọng vợ, hay có những lời lẽ xúc phạm danh dự nhân phẩm và hạnh động vũ phu gây ảnh hưởng đến tinh thần của vợ và các con, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng và kéo dài làm cho tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 01 năm 2022 đến nay. Vì vậy, bà S yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với ông Trần Xuân L.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Nguyên Khôi, sinh ngày 10/01/2002 (khuyết tật thiếu năng trí tuệ); Trần Gia Hân, sinh ngày 27/06/2012 và Trần Gia Phát, sinh ngày 10/12/2015. Khi ly hôn, bà S yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung và không yêu cầu ông L cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Tại bản tự khai ngày 21/02/2022 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Trần Xuân L trình bày: Thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Vân S về quan hệ hôn nhân, đăng ký kết hôn, con chung như trình bày của bà S là đúng. Ông L cũng xác nhận quá trình chung sống, vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông L có uống rượu rồi về nhà lớn tiếng với bà S và đánh bà S 03 lần. Tuy nhiên ông L xác định vẫn còn yêu thương bà S, nên mong muốn vợ chồng hàn gắn để cùng nhau nuôi dạy các con.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Nguyên Khôi, sinh ngày 10/01/2002 (khuyết tật thiếu năng trí tuệ); Trần Gia Hân, sinh ngày 27/06/2012 và Trần Gia Phát, sinh ngày 10/12/2015 như bà S trình bày. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông L đồng ý giao 03 con chung cho bà S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông L không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn đúng quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa mà không có lý do là chưa thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Nguyễn Thị Vân S và ông Trần Xuân L ly hôn;

+ Về con chung: Giao cả ba con chung là Trần Nguyên Khôi, sinh ngày 10/01/2002 (khuyết tật thiểu năng trí tuệ); Trần Gia Hân, sinh ngày 27/06/2012 và Trần Gia Phát, sinh ngày 10/12/2015 cho bà Nguyễn Thị Vân S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông L không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

+ Về tài sản chung: Không có.

+ Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn Nguyễn Thị Vân S khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết “*Ly hôn; tranh chấp về nuôi con*” với bị đơn Trần Xuân L. Trong vụ án này, bị đơn là ông L có địa chỉ nơi cư trú tại: Số 346 đường Nguyễn Trãi, phường Quảng Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “*Ly hôn; tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn Trần Xuân L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; nguyên đơn Nguyễn Thị Vân S vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn Trần Xuân L và nguyên đơn Nguyễn Thị Vân S.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định: Hôn nhân giữa nguyên đơn Nguyễn Thị Vân S với bị đơn Trần Xuân L là hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Vân S, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà S và ông L đã tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, quá trình chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L thường hay sử dụng rượu, bia rồi về nhà lớn tiếng la mắng, xúc phạm và có hành vi bạo lực đối với vợ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, động viên để vợ chồng có thể đoàn tụ, tiếp tục chung sống với nhau nhưng bà S vẫn kiên quyết yêu cầu được ly hôn vì cho rằng nhược điểm của ông L đã kéo dài và không thể nào khắc phục được; hôn nhân không hạnh phúc vì bà S luôn phải sống trong căng thẳng, lo âu về việc sẽ bị ông L xâm phạm về tinh thần, sức khỏe và có thể là cả tính mạng. Ông Trần Xuân L thì có ý kiến cho rằng vẫn còn thương vợ nên không đồng ý ly hôn nhưng cũng thừa nhận là có đánh bà S; đồng thời, lại không có phương án, giải pháp để có thể khắc phục nhược điểm, hòa giải mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà S. Vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 01 năm 2022 đến nay. Vì vậy, có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị

Vân S và ông Trần Xuân L là trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc và cuộc sống chung không thể kéo dài hơn được nữa. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Vân S là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Có 03 (ba) con chung là Trần Nguyên Khôi, sinh ngày 10/01/2002 (khuyết tật thiểu năng trí tuệ); Trần Gia Hân, sinh ngày 27/06/2012 và Trần Gia Phát, sinh ngày 10/12/2015. Mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng ông L đã thống nhất trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì đồng ý giao cả ba con cho bà Nguyễn Thị Vân S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông L không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Sự thỏa thuận về con chung như đã nêu trên của và Nguyễn Thị Vân S và ông Trần Xuân L là không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; phù hợp với nguyện vọng của con chung Trần Gia Hân và điều kiện nuôi dưỡng thực tế của bà S nên được ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung: Không có

[2.4] Về nợ chung: Không có

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Vân S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà S đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001817, ngày 16/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

[4] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228; các Điều 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Nguyễn Thị Vân S. Bà Nguyễn Thị Vân S được ly hôn ông Trần Xuân L.

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng cho con: Giao cả 03 (ba) con chung là Trần Nguyên Khôi, sinh ngày 10/01/2002 (khuyết tật thiểu năng trí tuệ); Trần Gia Hân, sinh ngày 27/06/2012 và Trần Gia Phát, sinh ngày 10/12/2015 cho bà Nguyễn Thị Vân S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ông L không có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

Ông Trần Xuân L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Các đương sự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Vân S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà S đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001817, ngày 16/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP. Quảng Ngãi;
- Chi Cục THADS Tp. Quảng Ngãi;
- UBND phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Hòa

